TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀ BẮC
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ H1 VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 28/9/ 2020
Về yêu cầu ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Xa Kỳ Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đinh Trọng Huề, bà Phạm Thị Dần.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Như Thủy - *Kiểm sát viên*.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tiểu khu LP, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tiểu khu LP, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1 kết hôn với nhau ngày 09/12/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung với bố, mẹ đẻ anh H1 và sống hạnh phúc với nhau. Từ tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, luôn cãi vã do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu tH, quan tâm đến nhau và đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Bá D, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 31/01/2013. Nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và chưa yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định của luật tố tụng dân sự Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị H trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H1 và được trực tiếp nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về tống đạt các giấy tờ, tài liệu, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và niêm yết công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng về xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ nên đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H, giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ đối với con cái thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, bị đơn, anh Lê Văn H1 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thực hiện

nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,71 của BLTTDS nên pH1 chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1 tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình từ năm 2008. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với bố mẹ anh H1 và sống khá hạnh phúc nhưng sau vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 02/2019 thì mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, luôn xích mích, cãi vã, anh H1 hay chơi bời, cờ bạc, không tu chí, quan tâm đến vợ, con. Đến tháng 5/2019 thì chị H thuê nhà ra ở riêng cùng hai con sống ly thân cho đến nay.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Điều này được khẳng định qua ý kiến của bà Nguyễn Thị K, là mẹ đẻ anh H1. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H1 đã đi làm xa. Khi chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, bố, mẹ anh H1 có khuyên nhủ và gọi anh H1 về để giải quyết việc gia đình nhưng anh H1 không hợp tác. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ, chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1 là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lê Bá D, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 31/01/2013, hiện các cháu đang sống cùng chị H. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và chưa yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trên cơ sở xem xét điều kiện sống, nghề nghiệp, thu nhập của chị H, phù hợp với nguyện vọng của các cháu D và H là đều muốn sống cùng mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy chị H có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cần chấp nhận là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung : Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Văn H1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn H1.

Về con chung: Giao các cháu Lê Bá D, sinh ngày 26/8/2009 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 31/01/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật, chị H chưa yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Văn H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H1 thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, anh H1, chị H có quyền yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001208 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND T.T Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến